

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 12/2005/TT-BTC
 ngày 04/02/2005 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 81/2004/TT-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Căn cứ Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao số 35/2001/PL-UBTVQH10 ngày 19/5/2001; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao số 14/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004;

Căn cứ Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 81/2004/TT-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 147/2004/NĐ-CP

ngày 23/7/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao như sau:

I. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỂM CỦA THÔNG TƯ SỐ 81/2004/TT-BTC NGÀY 13/8/2004 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Điểm 1.3 Mục I được sửa đổi như sau:

"1.3. Người nước ngoài có thu nhập tại Việt Nam bao gồm:

Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội, các văn phòng đại diện, các chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam; các cá nhân hành nghề độc lập tại Việt Nam".

2. Điểm 1.1.4 Mục II được sửa đổi như sau:

"1.1.4. Đối với người nước ngoài được coi là không cư trú tại Việt Nam, thu nhập chịu thuế là tổng thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi nhận thu nhập ở Việt Nam hay ở nước ngoài.

Người nước ngoài được coi là cư trú tại Việt Nam nếu ở tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính cho 12 tháng liên tục kể từ khi đến Việt Nam; được coi là không cư trú tại Việt Nam nếu ở tại Việt Nam dưới 183 ngày."

3. Điểm 3.2.2. Mục III được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3.2.2. Cơ quan chi trả thu nhập không có hoạt động sản xuất kinh doanh thì thực hiện kê khai, nộp thuế tại Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trường hợp cơ quan chi trả thu nhập đóng tại địa bàn cấp huyện, thị xã thì kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế nơi đóng trụ sở".

4. Điểm 3.4 Mục III được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3.4. Thời hạn kê khai, nộp thuế:

Thời hạn nộp tờ khai cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 10 và nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước chậm nhất vào ngày 25 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Việc xác định ngày nộp thuế thu nhập được thực hiện như sau:

Đối với trường hợp nộp thuế bằng chuyển khoản qua ngân hàng thì ngày nộp thuế là ngày Ngân hàng, tổ chức tín dụng ký xác nhận trên giấy nộp tiền.

Đối với trường hợp nộp thuế bằng tiền mặt thì ngày nộp thuế là ngày Kho bạc Nhà nước nhận tiền thuế hoặc ngày cơ quan thuế cấp Biên lai, cụ thể:

- Trường hợp nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước: chứng từ nộp thuế là "Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước bằng tiền mặt", ngày nộp thuế là ngày Kho bạc Nhà nước nhận tiền và ghi trên giấy nộp tiền.

- Trường hợp nộp qua cơ quan thuế: chứng từ nộp thuế là "Biên lai thu thuế"; ngày nộp thuế là ngày cơ quan thuế nhận tiền và cấp Biên lai thu thuế".

5. Đoạn gạch đầu dòng thứ 4 của điểm 2.1. Mục IV được sửa đổi như sau:

"- Cấp biên lai thuế thu nhập cho cá nhân có nhu cầu cấp biên lai và cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cho cá nhân để xác nhận số tiền thuế thu nhập mà cơ quan chi trả đã thực hiện khấu trừ. Cơ quan chi trả thu nhập làm đơn gửi cơ quan thuế đề nghị cấp biên lai thuế, chứng từ khấu trừ thuế theo Mẫu số 07/TNCN ban hành kèm theo Thông tư này; thực hiện báo cáo việc sử dụng biên lai, chứng từ hàng tháng với cơ quan thuế theo chế độ quy định về quản lý biên lai, ấn chỉ thuế".

6. Sửa đổi, bổ sung các mẫu tờ khai đính kèm Thông tư số 81/2004/TT-BTC như sau:

Các mẫu tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 81/2004/TT-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao là các Mẫu số 01/TNTX, Mẫu số 02a/TNTX, Mẫu số 02b/TNTX, Mẫu số 03a/TNTX, Mẫu số 03b/TNTX, Mẫu số 04/TNTX, Mẫu số 05/TNTX, Mẫu số 06/TNKTX, Mẫu số 08/TNTX, Mẫu số 10/TNTX, Mẫu số 11/TNTX và Mẫu số 15/TNTX được thay thế bằng các mẫu và bổ sung nội dung

hướng dẫn cách lập các Mẫu đính kèm Thông tư này như sau: Mẫu số 01a/TNTX, Mẫu số 01b/TNTX, Mẫu số 02a/TNTX, Mẫu số 02b/TNTX, Mẫu số 03a/TNTX, Mẫu số 03b/TNTX, Mẫu số 04/TNTX, Mẫu số 05/TNTX, Mẫu số 06/TNKTX, Mẫu số 08/TNTX, Mẫu số 10/TNTX, Mẫu số 11/TNTX và Mẫu số 15/TNTX; bãi bỏ Mẫu số 14/TNCN.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau

15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, bãi bỏ các quy định trái với quy định tại Thông tư này.

Cơ quan thuế các cấp có nhiệm vụ phổ biến, hướng dẫn các cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập và các tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện nghiêm chỉnh các quy định trong Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
Thứ trưởng

Trương Chí Trung

Mẫu số 01a/TNTX



TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---- o0o----

-----***-----

BẢN GHI NHỚ

V/v: *Hướng dẫn thuế thu nhập cá nhân*
(dùng cho đối tượng nộp thuế là người Việt Nam).

Hôm nay, vào lúc..... giờ..... ngày tháng..... năm.....

Tại Phòng Cục Thuế, chúng tôi gồm có:

1. Ông (Bà) là viên chức thuộc Phòng

Đã tiếp xúc làm việc với:

1. Ông (Bà)

2. Ông (Bà) là người đại diện được ủy quyền.

Nghề nghiệp:

Làm việc tại:

Địa chỉ:

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN:

Căn cứ vào đề nghị/thư mời của Cục thuế, Ông (Bà)

..... đã đến Cục thuế để được hướng dẫn việc kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân. Nội dung hướng dẫn chi tiết như sau:

I. Trách nhiệm của người nộp thuế:

1. Cá nhân có thu nhập chịu thuế phải tự giác đăng ký, kê khai thu nhập chịu thuế, nộp thuế theo quy định của pháp luật. Cá nhân nộp thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các số liệu đã kê khai.

2. Tháng đầu tiên khi có thu nhập, cá nhân phải nộp tờ khai thuế theo Mẫu 04/TNTX. Trên cơ sở số liệu kê khai của cá nhân, Cục thuế ra thông báo nộp thuế của tháng đầu tiên.

- Trường hợp thu nhập của cá nhân ổn định trong các tháng tiếp sau thì không phải kê khai thêm tờ khai hàng tháng, nhưng có trách nhiệm chủ động nộp thuế thu nhập phát sinh trước ngày 25 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

- Trường hợp có sự thay đổi về thu nhập hoặc các chỉ tiêu trên tờ khai đăng ký thuế. Ông (Bà) có trách nhiệm thông báo ngay với cơ quan thuế bằng văn bản, chậm nhất ngày 15 hàng tháng để cập nhật và điều chỉnh kịp thời.

3. Cuối năm hoặc sau khi hết hạn hợp đồng, cá nhân tổng hợp toàn bộ thu nhập các tháng trong năm (kể cả tháng không có thu nhập), chia cho 12 tháng để tính thu nhập bình quân tháng làm căn cứ xác định số thuế phải nộp cả năm.

Thời hạn hoàn tất kê khai quyết toán hàng năm chậm nhất không quá ngày 28/02 năm sau hoặc chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng (đối với những cá nhân có hoạt động kết thúc trước ngày 31/12 và không còn các khoản thu nhập phát sinh trong năm).

Trên cơ sở tờ khai quyết toán thuế, cá nhân phải nộp số thuế còn thiếu trước ngày 10 tháng 3 năm sau hoặc chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc hợp đồng. Trường hợp có số thuế nộp thừa thì sẽ được thoái trả.

II. Các chứng từ, tài liệu liên quan hồ sơ đăng ký thuế, nộp thuế:

1. 01 Tờ khai đăng ký nộp thuế (Mẫu số 2a/TNTX)
2. 01 Tờ khai đăng ký thuế để được cấp mã số thuế cá nhân (Mẫu số 05 - ĐK-TCT)
3. 01 Tờ khai nộp thuế thu nhập thường xuyên (Mẫu số 04/TNTX)
4. 02 bản sao Chứng minh nhân dân
5. 01 Bản sao Thỏa ước lao động/Hợp đồng lao động
6. 01 Bản sao hộ khẩu hoặc giấy xác nhận tạm trú của công an.

III. Các chứng từ, tài liệu liên quan hồ sơ quyết toán thuế:

1. Tờ khai quyết toán thuế năm (Mẫu số 08/TNTX) thu nhập thường xuyên.
2. Bảng kê chi tiết số thuế đã nộp hàng tháng và số thuế cơ quan chi trả đã khấu trừ (kèm bản sao y chứng từ nộp thuế và chứng từ khấu trừ thuế).
3. Chứng từ khác:

.....

IV. Các chứng từ liên quan hồ sơ đề nghị thoái trả tiền thuế:

1. Đơn đề nghị thoái trả (Mẫu số 15/TNCN)
2. Bản sao Chứng minh nhân dân
3. Tờ khai quyết toán thuế (Mẫu số 08/TNTX)
4. Bản chính Biên lai thuế thu nhập, Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập

V. Ý kiến của Ông (Bà):

Tôi xác nhận đã được Cục thuế hướng dẫn đầy đủ thủ tục về việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế. Tôi đã hiểu rõ và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng theo Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Bản ghi nhớ kết thúc vào lúc giờ..... cùng ngày, đã được đọc lại cho các bên nghe rõ, xác nhận những điều ghi trong Bản ghi nhớ là đúng sự thật, đồng ý ký tên. Bản ghi nhớ được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

CÁ NHÂN*(Ký, ghi rõ họ tên)*

.....

CÔNG CHỨC THUẾ*(Ký, ghi rõ họ tên)*

.....

Mẫu số 01b/TNTX



TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ
---- o0o----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----***-----

BẢN GHI NHỚ

V/v: Hướng dẫn thuế thu nhập cá nhân

(dùng cho đối tượng nộp thuế là người nước ngoài).

Hôm nay, vào lúc..... giờ..... ngày tháng..... năm.....

Tại Phòng Cục Thuế, chúng tôi gồm có:

1. Ông (Bà) là viên chức thuộc Phòng

Đã tiếp xúc làm việc với:

1. Ông (Bà)

2. Ông (Bà) là người đại diện được ủy quyền.

Nghề nghiệp:

Làm việc tại:.....

Địa chỉ:

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN:

Căn cứ vào đề nghị/thư mời của Cục thuế, Ông (Bà)

..... đã đến Cục thuế để
được hướng dẫn việc kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân. Nội dung hướng dẫn chi
tiết như sau:

I. Trách nhiệm của người nộp thuế:

1. Cá nhân có thu nhập chịu thuế phải tự giác đăng ký, kê khai thu nhập chịu thuế, nộp thuế theo quy định của pháp luật. Cá nhân nộp thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các số liệu đã kê khai.

2. Tháng đầu tiên khi có thu nhập, cá nhân phải nộp tờ khai thuế theo Mẫu 04/TNTX. Trên cơ sở số liệu kê khai của cá nhân, Cục thuế ra thông báo nộp thuế của tháng đầu tiên.

- Trường hợp thu nhập của cá nhân ổn định trong các tháng tiếp sau thì không phải kê khai thêm tờ khai hàng tháng, nhưng có trách nhiệm chủ động nộp thuế thu nhập phát sinh trước ngày 25 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

- Trường hợp có sự thay đổi về thu nhập hoặc các chỉ tiêu trên tờ khai đăng ký thuế. Ông (Bà) có trách nhiệm thông báo ngay với cơ quan thuế bằng văn bản, chậm nhất ngày 15 hàng tháng để cập nhật và điều chỉnh kịp thời.

3. Cuối năm hoặc sau khi hết hạn hợp đồng cá nhân có trách nhiệm lập Bảng kê số ngày cư trú tại Việt Nam theo Mẫu số 13a/TNTX. Trường hợp đã xác định là đối tượng cư trú tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên thì cá nhân có trách nhiệm thực hiện kê khai quyết toán thuế. Tổng thu nhập chịu thuế kê khai quyết toán thuế bao gồm: Thu nhập phát sinh tại Việt Nam và thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam trong năm tính thuế. **Nếu có chứng từ chứng minh đối với thu nhập phát sinh tại nước ngoài thì được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài tương ứng với tỷ lệ giữa thu nhập chịu thuế phát sinh tại nước ngoài so với tổng thu nhập chịu thuế.**

Thời hạn hoàn tất kê khai quyết toán hàng năm chậm nhất không quá ngày 28/02 năm sau hoặc chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở tờ khai quyết toán thuế, cá nhân phải nộp số thuế còn thiếu trước ngày 10 tháng 3 năm sau hoặc chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc hợp đồng. Trường hợp có số thuế nộp thừa thì sẽ được thoái trả.

II. Các chứng từ, tài liệu liên quan hồ sơ đăng ký thuế, nộp thuế:

1. Giấy phép thành lập VPDD do BTM/UBND tỉnh, thành phố cấp.
2. Tờ khai đăng ký nộp thuế (Mẫu số 2b/TNTX)
3. Tờ khai đăng ký thuế để được cấp mã số thuế cá nhân (Mẫu số 05 - ĐK-TCT)
4. Tờ khai nộp thuế thu nhập thường xuyên (Mẫu số 04/TNTX)
5. Bản sao hộ chiếu
6. Thư bổ nhiệm
7. Thỏa ước lao động/Hợp đồng lao động/Xác nhận thu nhập.

III. Các chứng từ, tài liệu liên quan hồ sơ quyết toán thuế:

1. Tờ khai quyết toán thuế năm (Mẫu số 08/TNTX) thu nhập thường xuyên.
2. Bảng kê tiền nhà điện nước do Công ty trả thay cho cá nhân (đính kèm bản sao y hợp đồng thuê nhà).
3. Thư xác nhận thu nhập hàng năm của Công ty chi trả thu nhập (bản chính - Mẫu số 12/TNTX).
4. Bảng kê chi tiết số thuế đã nộp hàng tháng và số thuế cơ quan chi trả đã khấu trừ (kèm bản sao y chứng từ nộp thuế và chứng từ khấu trừ thuế).
5. Bảng kê số ngày cư trú tại Việt Nam (Mẫu số 13a/TNTX).

6. Chứng từ khác:

.....

IV. Các chứng từ liên quan hồ sơ đề nghị thoái trả tiền thuế:

1. Đơn đề nghị thoái trả (Mẫu số 15/TNCN)
2. Bản sao Chứng minh nhân dân
3. Tờ khai quyết toán thuế (Mẫu số 08/TNTX)
4. Bản chính Biên lai thuế thu nhập, Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập

V. Ý kiến của Ông (Bà):

Tôi xác nhận đã được Cục thuế hướng dẫn đầy đủ thủ tục về việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế. Tôi đã hiểu rõ và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng theo Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Bản ghi nhớ kết thúc vào lúc giờ..... cùng ngày, đã được đọc lại cho các bên nghe rõ, xác nhận những điều ghi trong Bản ghi nhớ là đúng sự thật, đồng ý ký tên. Bản ghi nhớ được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

CÁ NHÂN*(Ký, ghi rõ họ tên)*

.....

CÔNG CHỨC THUẾ*(Ký, ghi rõ họ tên)*

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Mẫu số: 02a/TNTX**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ NỘP THUẾ
(dùng cho cá nhân Việt Nam nộp thuế tại
cơ quan thuế).

Ngày nhận tờ khai
Do cơ quan thuế ghi

...../...../.....

[01] Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[02] Họ và tên:

Ngày/tháng/năm sinh: /...../.....

[03] Chứng minh nhân dân hoặc Hộ
chiếu số:

Ngày cấp:..... /...../..... Nơi cấp:

[04] Địa chỉ nhà riêng:

Số nhà, đường phố, thôn, xã:

Quận/huyện:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại:

Fax:

E-Mail:

[05] Địa chỉ cơ quan nơi làm việc có
thu nhập.

Số nhà, đường phố:

Quận/huyện:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại:

Fax:

E-Mail:

Năm tôi có các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập đối với người
có thu nhập cao

[06] Dự kiến thu nhập hàng tháng:

.....

.....

.....

[07] Tài liệu chi tiết đính kèm:

.....

.....

.....

[08] Tài khoản Ngân hàng số:

Tại:.....

Tôi đề nghị được đăng ký kê khai tạm nộp thuế hàng tháng tại Cục thuế.....

Ngày tháng năm 200....

Người khai

Ký, ghi rõ họ tên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Mẫu số: 02b/TNTX**

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ NỘP THUẾ
(dùng cho cá nhân nước ngoài nộp thuế tại
cơ quan thuế).

Ngày nhận tờ khai
Do cơ quan thuế ghi
...../...../.....

[01] Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[02] Họ và tên:

Ngày/tháng/năm sinh:/...../.....

Quốc tịch:

[03] Hộ chiếu

số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

[04] Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam:

Số nhà, đường phố, thôn, xã:

Quận/huyện:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại:

Fax:

E-Mail:

[05] Địa chỉ liên lạc trụ sở chính
tại nước ngoài:

Số nhà, đường phố:

Quận/huyện:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại:

Fax:

E-Mail:

[06] Ngày đầu tiên đến Việt Nam:

...../...../.....

[07] Thời gian dự kiến ở Việt Nam:

Dưới 183 ngày Từ 183 ngày trở lên

[08] Thu nhập phát sinh tại Việt
Nam

- Lương:

- Trợ cấp:

- Thưởng:

- Khác:

[09] Thu nhập phát sinh ngoài
Việt Nam

- Lương:

- Trợ cấp:

- Thưởng:

- Khác:

[10] Tiền thuế thu nhập phát sinh tại Việt Nam	[11] Tiền thuê nhà ở tại Việt Nam
* Do cá nhân tự chi trả: <input type="checkbox"/> * Do Công ty trả thay: <input type="checkbox"/>	* Do cá nhân tự chi trả: <input type="checkbox"/> * Do Công ty trả thay: <input type="checkbox"/>

[12] Tài khoản Ngân hàng, kho bạc: Số

Tại:

[13] Những nơi làm việc tại Việt Nam:

Số thứ tự	Tên Công ty/VPĐD	Quốc tịch	Địa chỉ	Giấy phép		Giấy đăng ký hoạt động		Thời gian làm việc	
				Số	Cấp ngày	Số	Cấp ngày	Từ	Đến

Tôi cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai.

Ngày..... tháng..... năm 200....

Người khai

Ngày tháng..... năm 200....

Xác nhận của Công ty/VPĐD

HƯỚNG DẪN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA MẪU 3a/TNTX

Đối tượng kê khai: Cơ quan chi trả thu nhập.

Yêu cầu của mẫu này: Mẫu này được lập hàng tháng. Cơ quan chi trả căn cứ số tiền chi trả cho cá nhân trong tháng để thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần đối với cá nhân người Việt Nam có mức thu nhập chịu thuế trên 5 triệu đồng/tháng, người nước ngoài có mức thu nhập trên 8 triệu đồng/tháng.

Thời hạn nộp tờ khai: Nộp cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 10 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Thời hạn nộp tiền thuế: Chậm nhất là vào ngày 25 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Nộp chậm tờ khai, nộp chậm tiền thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

Hướng dẫn nội dung kê khai:

Chỉ tiêu 1 Tổng số lao động trong tháng: Ghi tổng số lao động thường xuyên trong tháng (số người thực tế trả lương). Số lao động ký hợp đồng bao gồm có thời hạn, không thời hạn, thời vụ

Chỉ tiêu 2 Tổng số người thuộc diện nộp thuế (tháng này): Ghi tổng số người có thu nhập đến mức chịu thuế thu nhập.

Chỉ tiêu 3 Tổng số tiền chi trả cho cá nhân thuộc diện nộp thuế: Bao gồm tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập chịu thuế khác mà cơ quan chi trả thu nhập đã chi trả cho số lượng cá nhân tính tại chỉ tiêu 2.

Chỉ tiêu 4 Tổng số thuế thu nhập đã khấu trừ: Tổng cộng số thuế thu nhập đã khấu trừ của từng cá nhân theo biểu thuế lũy tiến từng phần.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 03b/TNTX

Ngày nhận tờ khai:
(Do cơ quan thuế ghi)

:/...../.....

TỜ KHAI NỘP THUẾ ĐỐI VỚI THUẾ KHẤU TRỪ 10%

(dùng cho cơ quan chi trả thu nhập)

THÁNG NĂM 200.....

[01] Mã số thuế
cơ quan chi trả thu nhập

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[02] Tên cơ quan chi trả thu nhập:

[03] Địa chỉ trụ sở

[04] Điện thoại:

[05] Fax:

[06] Số tài khoản tại Ngân hàng:

A. PHẦN TỔNG HỢP

Đơn vị tính: Đồng

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Lượt	Số tiền
1	Tổng số lượt cá nhân khấu trừ thuế		x
		x	
2	Tổng số tiền chi trả (tổng cột 6 phần B)	x	
	Trong đó: Người Việt Nam	x	
	Người nước ngoài	x	
3	Tổng số tiền thuế khấu trừ (tổng cột 7 phần B)	x	
	Trong đó: Người Việt Nam	x	
	Người nước ngoài	x	
4	Tiền thù lao được hưởng {(3) x 0,5%}	x	
		x	
5	Số thuế phải nộp vào tài khoản tạm thu của cơ quan thuế {(3) - (4)}	x	

09638153

	Trong đó:	Người Việt Nam		x				
		Người nước ngoài		x				
B. PHẦN CHI TIẾT								
Số thứ tự	Họ và tên	Địa chỉ	Mã số thuế	Loại thu nhập chi trả	Số tiền chi trả	Chứng từ khấu trừ (10%)		
						Số thuế	Số chứng từ	Ngày, tháng năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7 = 6 x 10%)	(8)	(9)
A/	Người Việt Nam							
B/	Người nước ngoài							
	Tổng cộng							

..... cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai.

Người lập biểu
Ký, ghi rõ họ tên

....., Ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ quan chi trả thu nhập
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

HƯỚNG DẪN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA MẪU 3b/TNTX

Đối tượng kê khai: *Cơ quan chi trả.*

Yêu cầu của mẫu này: Các đối tượng khấu trừ thuế theo biểu này là cá nhân không thuộc diện ký hợp đồng lao động với cơ quan chi trả thu nhập cho nên khi khấu trừ đồng thời cấp “chứng từ khấu trừ thuế thu nhập” cho cá nhân. Mẫu này yêu cầu chi tiết khấu trừ của từng cá nhân. Trường hợp trong tháng có nhiều đối tượng khấu trừ và cá nhân trong năm có nhiều lần nhận thu nhập thì kê bảng chi tiết đính kèm, cơ quan chi trả ký và đóng dấu.

Thời hạn nộp tờ khai: Nộp cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 10 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Thời hạn nộp tiền thuế: Nộp chậm nhất là ngày 25 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Nộp chậm tờ khai, nộp chậm tiền thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

Hướng dẫn nội dung kê khai:

I. Phân tổng hợp:

Chỉ tiêu 1 Số cá nhân khấu trừ thuế: Ghi tổng số cá nhân có số thuế khấu trừ 10%. Trong tháng cá nhân có trên 2 lượt khấu trừ thì chỉ tính là 1 lượt.

Chỉ tiêu 2 Tổng số tiền chi trả: Ghi tổng số tiền đơn vị đã chi trả cho các cá nhân không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động tại đơn vị như cá nhân làm đại lý hưởng hoa hồng môi giới, tiền nhuận bút, tiền giảng dạy, tiền bản quyền sử dụng sáng chế, nhãn hiệu, tác phẩm, tiền thù lao do tham gia dự án, hiệp hội kinh doanh ... và các khoản tiền chi trả khác thuộc diện chịu thuế.

Chỉ tiêu 3 Tổng số tiền thuế khấu trừ: Ghi tổng số tiền thuế đã khấu trừ của các cá nhân nêu trên (khấu trừ thuế 10% trên tổng thu nhập đối với khoản chi trả cho cá nhân có thu nhập từ 500.000đ trở lên).

II. Phân chi tiết

Cột 2 Họ và tên: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của cá nhân đăng ký trên chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu. Nếu là người nước ngoài thì phải phiên âm tên sang tiếng La Tinh và ghi cách giữa họ, tên đệm, tên.

Cột 3 Địa chỉ: Ghi rõ số nhà, đường phố, thôn/ấp, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú, nếu là người nước ngoài ghi rõ nơi cư trú.

Cột 4 Mã số thuế: Ghi rõ mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp cho cá nhân (nếu có).

Cột 5 Loại thu nhập chi trả: Ghi rõ đã trả cho cá nhân về các hoạt động dịch vụ mà cá nhân đã làm cho đơn vị.

Cột 6 Số tiền chi trả: Ghi rõ số tiền đã chi trả cho cá nhân về hoạt động dịch vụ nêu trên.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 04/TNTX

**TỜ KHAI NỘP THUẾ THU NHẬP THƯỜNG
XUYÊN CỦA CÁ NHÂN**

(dùng cho cá nhân nộp thuế tại cơ quan thuế)

THÁNG NĂM 200.....

 Ngày nhận tờ khai:
(Do cơ quan thuế ghi)
...../...../.....

[01] Mã số thuế cá nhân

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[02] Họ và tên:

[03] Quốc tịch:

[04] Địa chỉ liên hệ:

[05] Điện thoại nhà riêng:

[06] Điện thoại di động:

[07] Số Tài khoản cá nhân:

Tại Ngân hàng:

Đơn vị tính: Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng thu nhập chịu thuế	
	Trong đó:	
1.a	Thu nhập phát sinh tại Việt nam:	
	Lương	
	Thưởng	
	Tiền nhà	
	Thu nhập khác	
1.b	Thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam (nếu có):	
2	Thuế thu nhập phải nộp	

Hàng tháng, tôi đều có số thu nhập ổn định như trên, tôi đăng ký các tháng sau không phải nộp tờ khai thuế theo Mẫu 04/TNTX mà nộp thuế hàng tháng trước ngày 25 của tháng sau. Nếu có thay đổi về thu nhập chịu thuế tôi sẽ kê khai lại tờ khai này kể từ tháng có thay đổi thu nhập. Trường hợp chuyển nơi nộp thuế, tôi sẽ thông báo cho cơ quan thuế, kê khai lại thu nhập theo Mẫu 02a/TNTX hoặc Mẫu 02b/TNTX và gửi cho cơ quan thuế nơi đến, nơi đi.

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người kê khai nộp thuế

Ký, ghi rõ họ tên

HƯỚNG DẪN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA MẪU 04/TNTX

Đối tượng kê khai: Cá nhân đã đăng ký nộp thuế hàng tháng tại cơ quan thuế.

Thời hạn nộp tờ khai: Nộp cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 10 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập. Các tháng đều có thu nhập giống nhau thì kê khai nộp tháng đầu tiên và đánh dấu vào ô trống ở phần cuối của mẫu này để cơ quan thuế biết, các tháng sau không nộp tờ khai thuế.

Thời hạn nộp tiền thuế: Nộp thuế chậm nhất là ngày 25 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Nộp chậm tờ khai, nộp chậm tiền thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

Hướng dẫn nội dung kê khai:

Chỉ tiêu 1 Tổng thu nhập chịu thuế: Ghi tổng các khoản thu nhập chịu thuế TN thường xuyên (chỉ tiêu 1a + Chỉ tiêu 1b)

Chỉ tiêu 1a: Thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nhận ở Việt Nam hay ở nước ngoài.

- *Tiền lương:* là các khoản tiền lương, tiền công, tiền thù lao, bao gồm cả tiền lương làm thêm giờ, lương ca 3, lương tháng thứ 13 (nếu có).

- *Thưởng:* Tiền thưởng tháng, quý, năm, thưởng đột xuất nhân dịp ngày lễ, tết, ngày thành lập ngành, thưởng từ các nguồn, dưới các hình thức: tiền, hiện vật...

- *Tiền nhà:* Các khoản thu nhập không tính trong tiền lương, tiền công được chi trả hộ như tiền nhà, điện, nước; riêng tiền nhà tính theo số thực tế chi trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế.

- *Thu nhập khác:*

- Thu nhập do tham gia dự án, hiệp hội kinh doanh, hội đồng quản trị, hội đồng quản lý, hội đồng doanh nghiệp.

- Thu nhập từ tiền bản quyền sử dụng sáng chế, nhãn hiệu, tác phẩm; thu nhập về tiền nhuận bút.

- Thu nhập từ dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ tin học, dịch vụ tư vấn, thiết kế, kiến trúc, đào tạo; hoạt động biểu diễn, tổ chức biểu diễn; quảng cáo; hoạt động thể dục thể thao; dịch vụ đại lý; thu nhập từ hoa hồng môi giới; dịch vụ khác; Các khoản thu nhập khác mà cá nhân được hưởng từ cơ quan chi trả thu nhập.

Ví dụ: người nước ngoài hợp đồng lao động ký 10.000 USD nhận ở Việt Nam 3.000USD nhận ở nước ngoài 7.000 USD thì kê khai thu nhập chịu thuế vào điểm này là 10.000 USD.

(chi tiết thu nhập chịu thuế quy định tại điểm 2 Mục I Thông tư số 81/2004/TT-BTC).

Chỉ tiêu 1b Thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam (nếu có):

Người nước ngoài là đối tượng cư trú tại Việt Nam phải kê khai thu nhập phát sinh tại Việt Nam và ngoài Việt Nam, trong đó:

Thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam là những khoản thu nhập chịu thuế theo pháp luật thuế của Việt Nam mà cá nhân nhận được. Ví dụ: Người nước ngoài là đối tượng cư trú tại Việt Nam, trong năm tính thuế có thu nhập từ lãi tiền cho vay tại nước ngoài, nước ngoài đã đánh thuế 20%, Pháp lệnh thuế Việt Nam chưa thu thuế đối với khoản thu nhập này nên cá nhân người nước ngoài không kê khai khoản thu nhập từ lãi tiền cho vay, nhưng thu nhập từ tiền làm công, dịch vụ tại nước ngoài thì phải kê khai vào điểm này; tiền thưởng giải thưởng quốc tế là khoản thu nhập không chịu thuế theo Pháp lệnh Thuế thu nhập của Việt Nam do vậy không kê khai.

Chỉ tiêu 2 Thuế thu nhập phải nộp: Căn cứ vào Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại điểm 2, Phần II Thông tư 81/2004/TT-BTC ngày 13/8/2004 để xác định số thuế thu nhập phải nộp.

Biểu tính thuế rút gọn đối với thu nhập chịu thuế của công dân Việt Nam và cá nhân khác định cư tại Việt Nam:

Bậc	Thu nhập bình quân tháng/người	Thuế suất (%)	Số thuế thu nhập phải nộp
1	Đến 5 tr.đ	0	0
2	Trên 5 tr.đ đến 15 tr.đ	10	0 tr.đ + 10% số TN vượt trên 5 tr.đ
3	Trên 15 tr.đ đến 25 tr.đ	20	1 tr.đ + 20% số TN vượt trên 15 tr.đ
4	Trên 25 tr.đ đến 40 tr.đ	30	3 tr.đ + 30% số TN vượt trên 25 tr.đ
5	Trên 40 tr.đ	40	7,5 tr.đ + 40% số TN vượt trên 40 tr.đ

Biểu tính thuế rút gọn đối với thu nhập chịu thuế của người nước ngoài cư trú tại Việt Nam và công dân Việt Nam lao động công tác ở nước ngoài:

Bậc	Thu nhập bình quân tháng/người	Thuế suất (%)	Số thuế thu nhập phải nộp
1	Đến 8 tr.đ	0	0
2	Trên 8 tr.đ đến 20 tr.đ	10	0 tr.đ + 10% số TN vượt trên 8 tr.đ
3	Trên 20 tr.đ đến 50 tr.đ	20	1,2 tr.đ + 20% số TN vượt trên 20 tr.đ
4	Trên 50 tr.đ đến 80 tr.đ	30	7,2 tr.đ + 30% số TN vượt trên 50 tr.đ
5	Trên 80 tr.đ	40	16,2 tr.đ + 40% số TN vượt trên 80 tr.đ

09638153

B. PHẦN CHI TIẾT							
Số thứ tự	Họ và tên người nộp thuế	Địa chỉ	Mã số thuế cá nhân hoặc hộ chiếu	Thu nhập chịu thuế	Biên lai thuế TNCN		
					Số thuế	Số Biên lai	Ngày, tháng, năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) x 25%	(7)	(8)
1							
2							
...							
	Tổng cộng						

..... cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai.

Người lập biểu
Ký, ghi rõ họ tên

....., ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ quan chi trả thu nhập
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

09638153

HƯỚNG DẪN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA MẪU 05/TNTX

Đối tượng kê khai: Cơ quan chi trả thu nhập.

Yêu cầu của mẫu này: Kê khai thuế đối với khoản chi trả thu nhập cho cá nhân là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam nếu ở Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế. Khi chi trả thu nhập cơ quan chi trả thu nhập khấu trừ 25% và cấp biên lai thuế thu nhập cho cá nhân.

Thời hạn nộp tờ khai: Nộp cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 10 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Thời hạn nộp tiền thuế: Chậm nhất là ngày 25 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Nộp chậm tờ khai, nộp chậm tiền thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

Hướng dẫn nội dung kê khai:

A. Phân tổng hợp:

Chỉ tiêu 1 Tổng số người nộp thuế: Ghi tổng số người nước ngoài thuộc đối tượng không cư trú tại Việt Nam theo quy định thuộc diện phải nộp thuế.

Chỉ tiêu 2 Tổng thu nhập chịu thuế: Ghi tổng số thu nhập cơ quan chi trả thu nhập trả cho người nước ngoài thuộc đối tượng nêu trên phát sinh tại Việt Nam không phân biệt nơi nhận ở Việt Nam hay ở nước ngoài.

B. Phân chi tiết:

Cột 2 Họ và tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của cá nhân đăng ký hộ chiếu, hoặc phải phiên âm tên sang tiếng La Tinh; ghi cách giữa họ, tên đệm, tên.

Cột 3 Địa chỉ: Ghi rõ địa chỉ cư trú tại Việt Nam của người nước ngoài.

Cột 4 Mã số thuế cá nhân: Ghi rõ mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp cho cá nhân (nếu có).

Cột 5 Thu nhập chịu thuế: Ghi tổng số tiền chi trả cho cá nhân người nước ngoài thuộc đối tượng không cư trú tại Việt Nam.

B. PHẦN CHI TIẾT

Số thứ tự	Họ và tên người nộp thuế	Địa chỉ	Mã số thuế cá nhân hoặc hộ chiếu Chứng minh thư	Thu nhập chịu thuế		Thuế suất	Biên lai		
				Trong đó			Số thuế	Số Biên lai	Ngày, tháng, năm
				C/giao công nghệ	Trúng thưởng xổ số				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
...									
	Tổng cộng								

..... cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai.

Người lập biểu
Ký, ghi rõ họ tên

....., ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ quan chi trả thu nhập
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

09638153

HƯỚNG DẪN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA MẪU 06/TNKTX

Đối tượng kê khai: Cơ quan chi trả thu nhập.

Yêu cầu của mẫu này: Kê khai thuế đối với các khoản thu nhập không thường xuyên của cá nhân, có 2 loại là thu nhập từ chuyển giao công nghệ và thu nhập từ trúng thưởng xổ số, kể cả trúng thưởng khuyến mại.

Thời hạn nộp tờ khai: Nộp cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 10 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Thời hạn nộp tiền thuế: Chậm nhất là ngày 25 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Nộp chậm tờ khai, nộp chậm tiền thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

Hướng dẫn nội dung kê khai:

A. Phần tổng hợp:

Chỉ tiêu 1 Tổng số người nộp thuế: Ghi tổng số người đã khấu trừ thuế. Trường hợp người có trên 2 lần nhận trong tháng thì chỉ ghi là 1 lượt. Trường hợp trong tháng vừa trúng thưởng xổ số vừa có thu nhập từ chuyển giao công nghệ thì cũng chỉ ghi là một lượt (trong một cơ quan chi trả).

Chỉ tiêu 2 Tổng thu nhập chịu thuế: Ghi tổng số thu nhập không thường xuyên của các cá nhân (thu nhập về chuyển giao công nghệ, trúng thưởng xổ số).

Chỉ tiêu 3 Tổng số thuế thu nhập đã khấu trừ: Ghi tổng số thuế thu nhập không thường xuyên đã khấu trừ của các cá nhân. Dòng này bằng (=) dòng tổng cộng của cột số 8 biểu chi tiết ghi từ các biên lai.

Chỉ tiêu 5 Số thuế thu nhập phải nộp NSNN: Ghi số thuế các cá nhân phải nộp NSNN đã trừ phần thù lao cơ quan chi trả được hưởng (chỉ tiêu 3 - chỉ tiêu 4).

B. Phần chi tiết

Cột 2 Họ và tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của cá nhân đăng ký thuế trên chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu. Nếu là người nước ngoài thì phải phiên âm tên sang tiếng La tinh, ghi rõ Quốc tịch; ghi cách giữa họ, tên đệm, tên.

Cột 3 Địa chỉ: Ghi rõ số nhà, đường phố, thôn/ấp, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú, nếu là người nước ngoài ghi rõ nơi cư trú.

Cột 5, 6 Thu nhập chịu thuế: Ghi tổng số thu nhập chịu thuế thu nhập không thường xuyên của từng cá nhân. Mức thu nhập chịu thuế từ 15 triệu đồng trở lên, tính trên toàn bộ số tiền nhận cho từng hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc một lần trúng thưởng, nhận giải thưởng.

Cột 7 Thuế suất: Thuế suất 5% đối với thu nhập chịu thuế về chuyển giao công nghệ; thuế suất 10% đối với thu nhập chịu thuế về trúng thưởng xổ số.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số: 08/TNTX

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày nhận tờ khai:
(Do cơ quan thuế ghi)
...../...../.....

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN**Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (TNCN)***(dùng cho cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế)***Kỳ tính thuế: Từ 01/01/20..... đến 31/12/20...**

[01] Mã số thuế cá nhân	<input type="text"/>
[02] Họ và tên:	[03] Quốc tịch:
[04] Địa chỉ liên hệ:	
[05] Điện thoại nhà riêng:	[06] Điện thoại di động:
[07] Số Tài khoản cá nhân:	Tại Ngân hàng:
[08] Tên cơ quan đang làm việc:	
[09] Mã số thuế cơ quan chi trả:	<input type="text"/>
[10] Điện thoại:	[11] Fax:

I. PHẦN TỔNG HỢP

Đơn vị tính: Đồng

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
A	THU NHẬP CHỊU THUẾ (A = A1 + A9 + A16 + A17 + A18)	A	
1	Tiền lương, tiền công (A1 = A2 + A3 + A4 + A5 + A6)	A1	
a	Tiền lương	A2	
b	Tiền thưởng	A3	
c	Các khoản phụ cấp chịu thuế	A4	
d	Thu nhập từ tiền nhà	A5	
e	Phần thu nhập đã được trừ 25% (nếu có) (A7 - A8) (Chi tiết theo chứng từ)	A6	
e1	Tổng thu nhập được trừ 25%	A7	
e2	Số thu nhập được trừ (A7 x 25%)	A8	
2	Phần thu nhập thuộc diện khấu trừ thuế 10% (nếu có) (A9 = A10 + A11 + A12 + A13 + A14 + A15)	A9	

a	Từ dịch vụ khoa học kỹ thuật	A10
b	Từ dịch vụ tư vấn/đào tạo/thiết kế, tin học	A11
c	Từ dịch vụ đại lý/hoa hồng môi giới/quảng cáo	A12
d	Từ nhuận bút/tiền bản quyền sử dụng sáng chế, nhãn hiệu/tác phẩm	A13
e	Thu nhập đã được trừ 25%	A14
f	Khác	A15
3	Thu nhập do tham gia hoạt động SXKD không thuộc đối tượng chịu thuế TNDN (nếu có)	A16
4	Các khoản thu nhập khác (kể cả thu nhập dưới mức khấu trừ thuế 10%)	A17
5	Thu nhập chịu thuế phát sinh ở nước ngoài	A18
B	XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ PHẢI NỘP	B
1	Thu nhập bình quân tháng (A/12 tháng)	B1
2	Số thuế phải nộp 1 tháng	B2
3	Số thuế phải nộp cả năm (B3 = B2 x 12)	B3
4	Số thuế đã khấu trừ trong năm {B4 = tổng cột 5 (phần II.A + II.B)}	B4
5	Số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có)	B5
<i>a</i>	<i>Số thuế tối đa được khấu trừ tại Việt Nam (B6 = A18/A x B3)</i>	<i>B6</i>
<i>b</i>	<i>Số thuế được khấu trừ</i>	<i>B7</i>
7	Số thuế còn phải nộp {B8 = B3 - (B4 + B7)}	B8

II. PHẦN CHI TIẾT THU NHẬP:

A. Thu nhập từ tiền lương, tiền công

Tháng	Nơi chi trả thu nhập		Thu nhập chịu thuế	Biên lai		
	Tên	Mã số thuế		Số thuế đã khấu trừ	Số Biên lai	Ngày, tháng, năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						

09638153

10						
11						
12						
Cộng 12 tháng						

B. Thu nhập khấu trừ thuế 10%

Số thứ tự	Nơi chi trả thu nhập		Thu nhập chịu thuế	Chứng từ khấu trừ thuế		
	Tên	Mã số thuế		Số thuế đã khấu trừ	Số chứng từ	Ngày, tháng, năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						
Cộng						

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai.

....., ngày..... tháng..... năm....

Người khai

Ký, ghi rõ họ tên

HƯỚNG DẪN TỜ KHAI QUYẾT TOÁN NĂM MẪU 08/TNTX

Đối tượng kê khai: Cá nhân kê khai.

Yêu cầu của mẫu này: Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ nhiều nơi. Là tờ khai quyết toán năm nên cá nhân kê khai toàn bộ thu nhập thường xuyên chịu thuế trong năm (không kê khai thu nhập không thường xuyên) kể cả tháng thu nhập chưa đến mức chịu thuế hoặc tháng không có thu nhập chịu thuế.

Thời hạn nộp tờ khai: Nộp cho cơ quan thuế trước ngày 28 tháng 02 năm sau.

Thời hạn nộp số thuế còn thiếu: Nộp trước ngày 10/3. Nếu có số thuế nộp thừa thì làm hồ sơ thoái trả.

Nộp chậm tờ khai, nộp chậm tiền thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

Hướng dẫn nội dung kê khai:

Chỉ tiêu 1 Mã số thuế cá nhân: Ghi mã số thuế cá nhân đã được cơ quan thuế cấp. Cá nhân chưa có mã số thuế thì phải thực hiện làm các thủ tục hồ sơ để được cấp mã số thuế, sau đó thực hiện điền tờ khai quyết toán thuế.

Chỉ tiêu 2 Họ và tên: Ghi rõ ràng đầy đủ bằng chữ in hoa tên của cá nhân, chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu. Nếu là người nước ngoài phải phiên âm sang tiếng La tinh và ghi cách giữa họ, tên đệm, tên.

Chỉ tiêu 4 Địa chỉ liên hệ: Ghi rõ địa chỉ số nhà, đường phố, thôn/ấp, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố để liên lạc nhất.

Chỉ tiêu 7 Số tài khoản cá nhân tại Ngân hàng: Ghi rõ số hiệu tài khoản, tên Ngân hàng nơi mở tài khoản.

Chỉ tiêu 8 Tên địa chỉ cơ quan đang làm việc: Kê khai cơ quan quản lý trực tiếp, nơi cá nhân ký hợp đồng lao động ổn định (không xác định thời hạn) và các trường hợp ký hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động thời vụ. Ghi rõ, đầy đủ tên địa chỉ cơ quan và mã vùng - số điện thoại/số fax của cơ quan đang làm việc. Trường hợp trong năm làm việc tại nhiều nơi thì khai nơi đang làm việc còn các nơi khác kê khai vào cột 2 phần II.A.

Chỉ tiêu 9 Mã số thuế: Ghi mã số thuế của cơ quan nơi cơ quan cá nhân đang làm việc.

Trường hợp làm việc ở nhiều cơ quan thì ghi mã của nơi đang làm việc còn các nơi khác kê khai vào cột 3 phần II.A.

Chỉ tiêu 10, 11 Số điện thoại fax: Ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số fax của cơ quan đang làm việc.

I. Phần tổng hợp:

Chỉ tiêu A: Thu nhập chịu thuế:

Chỉ tiêu A1 là tổng các khoản thu nhập chịu thuế

Chỉ tiêu A2 Tiền lương, tiền công: ghi các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công, tiền thù lao, bao gồm cả tiền lương làm thêm giờ, lương ca 3, lương tháng thứ 13 (nếu có);

Chỉ tiêu A3 Tiền thưởng: ghi các khoản tiền thưởng tháng, quý, năm, thưởng đột xuất nhân dịp ngày lễ, tết, ngày thành lập ngành, thưởng từ các nguồn, dưới các hình thức: tiền, hiện vật...

Chỉ tiêu A4 Các khoản phụ cấp chịu thuế: Đối với người nước ngoài ghi rõ khoản phụ cấp xa tổ quốc.

Chỉ tiêu A5 thu nhập từ tiền nhà: là khoản thu nhập được tính tối đa 15% tổng thu nhập $A2 + A3 + A4 + A6 + A18$

Chỉ tiêu A6 Phần thu nhập đã được trừ 25% (nếu có): Chỉ áp dụng đối với ca sỹ như diễn viên thanh nhạc biểu diễn các loại hình nghệ thuật ca - nhạc kịch, cải lương, tuồng, chèo, dân ca; nghệ sỹ xiếc, múa; cầu thủ bóng đá; vận động viên chuyên nghiệp, được trừ 25% thu nhập khi xác định thu nhập chịu thuế. Số thu nhập này không kê khai vào chỉ tiêu A2.

Ví dụ: Ca sỹ M năm 2005 có các khoản thu nhập sau:

- Hợp đồng lao động tại Nhà hát X lương, tiền thu nhập từ các chương trình biểu diễn của nhà hát mỗi tháng 2 triệu;

- Thu nhập trong năm từ ca hát tại các chương trình biểu diễn là 100 triệu, có 2 chứng từ khấu trừ thuế từ 2 cơ quan chi trả là

$$0,3 \text{ triệu} = (40 \text{ triệu} - 40 \text{ triệu} \times 25\%) \times 10\%;$$

$$0,45 \text{ triệu} = (60 \text{ triệu} - 60 \text{ triệu} \times 25\%) \times 10\%.$$

- Thu nhập từ quảng cáo cho hãng L là 20 triệu có chứng từ khấu trừ thuế với số thuế khấu trừ 2 triệu (2 triệu x 10%).

Vậy sẽ kê khai vào chỉ tiêu:

$$A6 \text{ là } 18 \text{ triệu} = (2 \text{ triệu} \times 12 \text{ tháng}) - 25\%$$

A12 là 20 triệu.

Chỉ tiêu A9: Cá nhân trong năm có các chứng từ khấu trừ thuế 10% do cơ quan chi trả cấp khi khấu trừ tiền thuế thì căn cứ vào các chứng từ đó để kê khai theo thứ tự thời gian của khoản thu nhập chịu thuế. Tổng chỉ tiêu A8 được tổng hợp từ chi tiết cột 4 phần II.B. Với ví dụ trên ca sỹ M có 3 chứng từ khấu trừ 10%: Số thuế khấu trừ là 2 triệu, 0,3 triệu và 0,45 triệu (nếu thu nhập 100 triệu từ 3 chương trình biểu diễn ở 3 nơi khác nhau thì có 3 chứng từ khấu trừ thuế).

Chỉ tiêu A13: Phản ánh khoản thu nhập chịu thuế của nghệ sỹ, vận động viên được trừ trước 25%, nhưng khoản thu nhập này nhận từ các nơi khác. Với ví dụ trên ca sỹ M kê khai 2 chứng từ khấu trừ 10%: A13 là 75 triệu = (40 triệu - 40 triệu x 25%) + (60 triệu - 60 triệu x 25%).

Chỉ tiêu A17: Các khoản thu nhập khác: Ghi các khoản thu nhập khác mà cá nhân nhận được ngoài các khoản thu nhập đã liệt kê ở trên. Đối với các khoản chi trả dưới mức khấu trừ thuế 10% (dưới 500.000 đồng/lần chi trả), cơ quan chi trả chưa khấu trừ thì được kê khai vào chỉ tiêu này.

Chỉ tiêu A18: Chỉ tiêu này phản ánh thu nhập chịu thuế phát sinh tại nước ngoài của đối tượng nộp thuế là người Việt Nam hay người nước ngoài:

Đối với người Việt Nam: Người Việt Nam trong năm tính thuế vừa có thời gian làm việc tại Việt Nam vừa có thời gian làm việc ở nước ngoài thì kê khai thu nhập chịu thuế phát sinh ở nước ngoài vào điểm này.

Ví dụ: Ông T làm việc tại Bộ Y là một cơ quan Nhà nước, hưởng lương hàng tháng theo hệ số quy định của Nhà nước là 2,1 triệu đồng/tháng. Tháng 5/2005 Ông được cử sang làm chuyên gia tại nước ngoài (nước chưa ký Hiệp định tránh đánh thuế trùng với Việt Nam) 1 năm với lương chuyên gia là 2.000 USD/tháng. Khoản thu nhập 2.000 USD tương đương 31 triệu đồng của 8 tháng 2005 được ghi vào mục này.

Đối với người nước ngoài là đối tượng cư trú tại Việt Nam, phải kê khai thu nhập phát sinh tại Việt Nam và thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam. Trong năm tính thuế nếu chỉ ở Việt Nam trên 183 ngày thời gian còn lại ở nước ngoài thì khoản thu nhập ở nước ngoài (nếu có) phải kê khai vào chỉ tiêu này. Thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam là những khoản thu nhập chịu thuế theo pháp luật thuế của Việt Nam mà cá nhân nhận được.

Ví dụ: Người nước ngoài là đối tượng cư trú tại Việt Nam, trong năm tính thuế có thu nhập từ lãi tiền cho vay tại nước ngoài, nước ngoài đã đánh thuế 20%, Pháp lệnh thuế Việt Nam chưa thu thuế đối với khoản thu nhập này nên cá nhân người nước ngoài không kê khai khoản thu nhập từ lãi tiền cho vay, nhưng thu nhập từ tiền làm công, dịch vụ tại nước ngoài thì phải kê khai vào điểm này; tiền thưởng giải thưởng quốc tế là khoản thu nhập không chịu thuế theo pháp lệnh thuế thu nhập của Việt Nam do vậy không kê khai.

Chỉ tiêu B1: Xác định thu nhập bình quân tháng bằng cách lấy tổng thu nhập chịu thuế của năm chia cho 12 tháng. Riêng trường hợp người Việt Nam trong năm tính thuế vừa có thời gian làm việc tại Việt Nam vừa có thời gian làm việc ở nước ngoài có thu nhập chịu thuế phát sinh ở nước ngoài (đề cập tại điểm A18), nếu tính thu nhập bình quân tháng áp dụng 2 biểu thuế mà số thuế phải nộp cao hơn so với áp dụng thu nhập bình quân tháng tính theo thời gian ở trong nước và thời gian ở nước ngoài, trường hợp cá nhân lựa chọn tính số thuế thấp hơn thì chỉ tiêu này được tính thu nhập bình quân tháng theo thời gian ở trong nước (B1a) và nước ngoài (B1b). (Như ví dụ chỉ tiêu A18 thì B1a = 2,1 triệu và B1b = 31 triệu).

Chỉ tiêu B2: Căn cứ thu nhập bình quân tháng đối chiếu biểu thuế lũy tiến từng phần để xác định số thuế phải nộp 1 tháng. Riêng đối với người Việt Nam lựa chọn quyết toán tính TNCT bình quân tháng như chỉ tiêu B1 (B1a, B1b) thì điền vào chỉ tiêu này: B2a thuế phải nộp 01 tháng theo biểu thuế của người Việt Nam, B2b thuế phải nộp 01 tháng theo biểu thuế của người nước ngoài.

Chỉ tiêu B3: Riêng đối với người Việt Nam $B3a = B2a \text{ nhân } (x) \text{ số tháng ở Việt Nam}$, $B3b = B2b \text{ nhân } (x) \text{ số tháng ở nước ngoài (nếu có)}$. Trường hợp trong tháng vừa có thời gian ở trong nước vừa có thời gian ở nước ngoài thì xác định số thuế phải nộp 01 ngày sau đó nhân số ngày ở tương ứng. Tháng tính là 30 ngày.

Chỉ tiêu B4: Số thuế đã khấu trừ trong năm: Là số tiền thuế cơ quan chi trả thu nhập đã khấu trừ và cấp biên lai thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế. Số liệu chi tiết được thể hiện tại Phần II, có thể:

Biên lai thuế trong các trường hợp cá nhân trong năm làm việc tại nhiều nơi.

Ví dụ: cá nhân X:

- 5 tháng đầu năm làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập mỗi tháng 6 triệu, cơ quan chi trả thu nhập trong 5 tháng đó đã khấu trừ và nộp tiền thuế hàng tháng là 0,1 triệu (6 triệu - 5 triệu) x 10%, khi cá nhân chuyển công tác ra Hà Nội thì cơ quan chi trả tại thành phố Hồ Chí Minh cấp một biên lai thuế ghi số thuế khấu trừ của 5 tháng là 0,5 triệu.

- 7 tháng còn lại làm ở Hà Nội có thu nhập mỗi tháng 8 triệu, cơ quan chi trả thu nhập khấu trừ và nộp thuế mỗi tháng 0,3 triệu tổng cộng 7 tháng là 2,1 triệu và cấp biên lai thuế thu nhập.

Như vậy trong năm cá nhân X có thu nhập từ nhiều nơi thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế theo Mẫu 08/TNTX, thực hiện điền các số liệu của 2 biên lai thuế vào Phần II.A.

Chứng từ khấu trừ thuế là khoản thu nhập của cá nhân trong năm đã được cơ quan chi trả thu nhập khấu trừ và cấp chứng từ khấu trừ thuế 10% đối với khoản chi trả từ 500.000đ/lần trở lên. Số liệu chi tiết thể hiện tại phần II.B.

Chỉ tiêu B5: Số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có): Chỉ tiêu này phản ánh số thuế thu nhập mà cá nhân đã nộp ở nước ngoài và đã được cơ quan chi trả ở nước ngoài cấp chứng từ nộp thuế.

Chỉ tiêu B6: Đối với người Việt Nam: không ghi vào chỉ tiêu này

Đối với người nước ngoài: Phản ánh số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ tối đa tại Việt Nam phân bổ cho phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài. Trên cơ sở số thuế phải nộp theo biểu thuế Việt Nam tương ứng với phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài để xác định số thuế được trừ phân bổ theo tỷ lệ giữa thu nhập phát sinh tại nước ngoài so với toàn bộ thu nhập.

Chỉ tiêu B7: Đối với người Việt Nam: số thuế được khấu trừ ghi vào điểm này cần so sánh giữa số thuế phải nộp ở nước ngoài (B3b) và số thuế đã nộp ở nước ngoài: nếu ở nước ngoài thấp hơn thì ghi bằng B3b - B5, nếu ở nước ngoài cao hơn thì ghi bằng B3b.

Đối với người nước ngoài: So sánh số thuế đã nộp ở nước ngoài và số thuế tối đa được khấu trừ để xác định số thuế được khấu trừ.

Ví dụ: Cá nhân nước ngoài là đối tượng cư trú tại Việt Nam năm 2005 có thu nhập tại Việt Nam 70 triệu, thu nhập nước ngoài 50 triệu, có biên lai thuế thu nhập ở Việt Nam là 0,7 triệu, chứng từ nộp thuế ở nước ngoài trường hợp 1: là 10 triệu; trường hợp 2: 0,5 triệu.

Số liệu tại chỉ tiêu B được xác định như sau:

$$B1 = (70 \text{ triệu} + 50 \text{ triệu}) / 12 \text{ tháng} = 10 \text{ triệu}$$

$$B2 = (10 \text{ triệu} - 8 \text{ triệu}) \times 10\% = 0,2 \text{ triệu}$$

$$B3 = 0,2 \text{ triệu} \times 12 \text{ tháng} = 2,4 \text{ triệu}$$

$$B4 = \text{Biên lai thuế thu nhập } 0,7 \text{ triệu}$$

$$B5 = \text{Trường hợp 1: nộp } 10 \text{ triệu}$$

$$\text{Trường hợp 2: nộp } 0,5 \text{ triệu}$$

$$B6 = 50 \text{ triệu} / 120 \text{ triệu} \times 2,4 \text{ triệu} = 1 \text{ triệu}$$

$$B7 = \text{Trường hợp 1: } 1 \text{ triệu}$$

$$\text{Trường hợp 2: } 0,5 \text{ triệu}$$

Căn cứ số thuế tối đa được phân bổ 1 triệu đồng (B6) trường hợp số thuế đã nộp ở nước ngoài lớn hơn 1 triệu đồng thì số thuế được khấu trừ là 1 triệu đồng (B7); nếu số thuế ở nước ngoài nộp thấp hơn 1 triệu đồng thì số thuế được khấu trừ 0,5 triệu đồng (B7).

II. Phần chi tiết thu nhập:

Phần này được chi tiết 2 loại thu nhập thường xuyên chịu thuế tương ứng với 2 hình thức khấu trừ theo biểu lũy tiến (Mục A) và khấu trừ thuế 10% (Mục B).

Mục A: Kê khai các tháng có thu nhập đến mức chịu thuế cơ quan chi trả thu nhập đã khấu trừ cấp biên lai thuế thu nhập; tháng có thu nhập dưới mức chịu thuế (dưới 5 triệu đồng/tháng đối với người Việt Nam) ghi số thực nhận; tháng không có thu nhập chịu thuế thì ghi: "Tôi cam đoan tháng này không có thu nhập chịu thuế".

Mục B: Thu nhập khấu trừ tại nguồn 10%: Kê khai chi tiết các chứng từ khấu trừ thuế 10% mà các cơ quan chi trả thu nhập đã khấu trừ và cấp chứng từ khấu trừ thuế cấp. Sắp xếp chứng từ theo thứ tự thời gian, nếu có nhiều chứng từ thì kê khai biểu phụ lục đính kèm và ký ghi rõ họ tên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 10/TNTX



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN

Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao
(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập).

Kỳ tính thuế: Từ 01/01/20... đến 31/12/20...

Ngày nộp tờ khai:
(Do cơ quan thuế ghi)
...../...../.....

[01] Mã số thuế cơ quan chi trả	<table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td><td style="width: 10%;"></td> </tr> </table>																				
[02] Tên cơ quan chi trả thu nhập:																					
[03] Địa chỉ trụ sở:																					
[04] Điện thoại:	[05] Fax:																				
[06] Số Tài khoản tại Ngân hàng:																					

A. PHẦN TỔNG HỢP

Đơn vị tính: **Đồng**

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số người/lượt	Số tiền
I	KÊ KHAI SỐ CÁ NHÂN THUỘC ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TẠI CƠ QUAN CHI TRẢ		
1	Số lao động trong năm		x
2	Tổng số người quyết toán tại cơ quan chi trả		x
3	Tổng số thu nhập chịu thuế	x	
4	Tổng số thuế phải nộp (chi tiết của cột 10 biểu 11/TNTX)	x	
5	Số thuế khấu trừ trong năm (= Tổng cột 11 biểu 11/TNTX)	x	
6	Số thuế còn phải nộp NSNN tại thời điểm quyết toán (cột 12 biểu 11/TNTX)	x	
	<i>Lưu ý: khi bù trừ số thuế nộp thiếu với số thuế nộp thừa nếu còn số thuế nộp thừa thì điều chỉnh bằng cách cấp Biên lai thuế cho cá nhân có số thuế nộp thừa để họ quyết toán với cơ quan thuế, đồng thời điều chỉnh giảm số lượng đối tượng quyết toán tại cơ quan chi trả (I.2), tăng số lượng đối tượng không quyết toán tại cơ quan chi trả (II.1).</i>	x	x

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số người/lượt	Số tiền
II	KÊ KHAI SỐ CÁ NHÂN KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TẠI CƠ QUAN CHI TRẢ:		
1	Tổng số người		x
2	Số thu nhập chịu thuế (= cột 4 của phần B. 2)	x	
3	Số thuế đã khấu trừ trong năm và cấp biên lai (= Cột 5 của phần B.2)	x	
	(Chi tiết theo chứng từ tại phần B2)		
III	KÊ KHAI SỐ CÁ NHÂN VĂNG LAI TRONG NĂM CƠ QUAN CHI TRẢ ĐÃ KHẤU TRỪ 10% THUẾ		
1	Tổng số lượt cá nhân (= cột 3 phần B.3)		x
2	Số thu nhập chịu thuế (= cột 4 phần B.3)	x	
3	Số thuế đã khấu trừ trong năm và cấp chứng từ khấu trừ thuế (= cột 5 phần B.3)	x	
	(Chi tiết theo chứng từ tại phần B2)		

B. PHẦN CHI TIẾT:

1. Mẫu 11/TNTX: kê khai đính kèm

2. Số cá nhân có thuế khấu trừ theo biểu thuế lũy tiến từng phần nhưng không thực hiện quyết toán tại cơ quan chi trả:

Số thứ tự	Cá nhân		Tổng thu nhập chịu thuế	Biên lai khấu trừ thuế		
	Tên, địa chỉ	Mã số thuế		Số thuế đã khấu trừ	Số Biên lai	Ngày, tháng, năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Cộng					

3. Số cá nhân văng lai trong cơ quan chi trả thu nhập đã khấu trừ 10% thuế thu nhập:

Số thứ tự	Tháng	Số lượt cá nhân	Thu nhập chịu thuế	Số thuế đã khấu trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) x 10%

C. PHÂN QUAN HỆ THANH TOÁN VỚI NSNN:

Số thứ tự	Phân loại theo đối tượng	Số năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp NSNN			Số đã nộp NSNN	Số còn phải nộp NSNN
			Tổng số	Thù lao được để lại	Số phải nộp NSNN		
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + (6)	(5)	(6) = (4) - (5)	7 (chứng từ)	(8) = (3) + (6) - (7)
1	Thuế TNTX của cá nhân quyết toán tại đơn vị						
2	Thuế TNTX đã khấu trừ của cá nhân không quyết toán						
3	Thuế TNTX đã khấu trừ 10% của cá nhân vắng lai						
4	Thuế TN đã khấu trừ của đối tượng không cư trú						
5	Thuế TN không thường xuyên						
Cộng							

..... cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan chi trả thu nhập
(Ký tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN TỜ KHAI QUYẾT TOÁN NĂM MẪU SỐ 10/TNTX

Đối tượng kê khai: Cơ quan chi trả thu nhập.

Yêu cầu của mẫu này: Mẫu này được lập vào đầu năm sau khi cơ quan chi trả đã tổng hợp được thu nhập chịu thuế của các cá nhân. Cơ quan chi trả thu nhập, yêu cầu cá nhân trong năm đã được nộp thuế khấu trừ theo biểu lũy tiến từng phần ký giấy ủy quyền theo Mẫu 09/TNTX để xác định cá nhân đó quyết toán tại cơ quan chi trả thu nhập hay không quyết toán tại cơ quan chi trả.

Thời hạn nộp tờ khai: Nộp cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 28/02 năm sau.

Thời hạn nộp số thuế còn thiếu: trước ngày 10/3 năm sau năm quyết toán

Nộp chậm tờ khai, nộp chậm tiền thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

Hướng dẫn nội dung kê khai:

Kết cấu mẫu này gồm 3 phần:

A. Phần tổng hợp

Phần này phản ánh số lượng lao động, số lượng người quyết toán tại cơ quan chi trả thu nhập, số người không quyết toán tại cơ quan chi trả mà phải quyết toán với cơ quan thuế. Số thuế thu nhập phải nộp, số thuế thu nhập đã khấu trừ trong năm, xác định số thuế còn phải nộp NSNN. Số thu nhập và số thuế cơ quan chi trả khấu trừ thuế 10% đối với các cá nhân vắng lai.

B. Phần chi tiết:

Điểm 1.B: Để lên được số tổng hợp của phần này thì phải lập biểu chi tiết Mẫu số 11/TNTX (có hướng dẫn riêng).

Điểm 2.B: Biểu chi tiết này nếu có nhiều cá nhân thì kê khai vào biểu riêng đính kèm Mẫu số 10/TNTX và ký đóng dấu tên cơ quan chi trả thu nhập. Căn cứ biên lai thuế thu nhập cấp cho cá nhân, người không quyết toán tại cơ quan chi trả thu nhập để ghi vào các chỉ tiêu của điểm này.

Ví dụ cá nhân có thu nhập từ lương là 6 tr.đ/tháng làm việc 5 tháng sau chuyển cơ quan khác, cơ quan chi trả khấu trừ thuế 5 tháng mỗi tháng là 0,1 tr.đ = [(6 tr.đ - 5 tr.đ) x 10%] cấp biên lai thuế thu nhập ghi số thuế khấu trừ 0,5 tr.đ.

Điểm 3.B: Biểu chi tiết này nếu nhiều tháng thì kê khai biểu riêng đính kèm Mẫu số 10/TNTX và ký tên đóng dấu cơ quan chi trả thu nhập. Căn cứ vào phần chi tiết của tờ khai 3b/TNTX đã kê khai trong năm để ghi vào chỉ tiêu của điểm này.

C. Quan hệ thanh toán với Ngân sách:

Trong năm các loại thu nhập chịu thuế được cơ quan chi trả kê khai theo mẫu riêng áp dụng cho từng loại thu nhập chịu thuế, nộp tiền thuế theo các giấy nộp tiền, cuối năm phải quyết toán với cơ quan thuế về tình hình thu nộp thuế của từng loại thu nhập chịu thuế thuế đó.

Cột 3: Số năm trước chuyển sang là cột 8 - Số còn phải nộp NSNN của tờ khai quyết toán thuế năm trước chuyển sang.

Cột 4, 5, 6,7

Dòng 1 và dòng 2: Căn cứ vào các Mẫu 3a/TNTX trong năm đã kê khai với cơ quan thuế để xác định số thuế phải nộp, tiền thù lao được hưởng. Căn cứ chứng từ nộp thuế trong năm để xác định số thuế đã nộp.

Dòng 3: căn cứ vào Mẫu 3b/TNTX trong năm đã kê khai với cơ quan thuế, để xác định số thuế phải nộp, tiền thù lao được hưởng. Căn cứ chứng từ nộp thuế trong năm để xác định số thuế đã nộp.

Dòng 4: Căn cứ vào Mẫu tờ khai 05/TNTX trong năm đã kê khai với cơ quan thuế để xác định số thuế phải nộp, tiền thù lao được hưởng. Căn cứ chứng từ nộp thuế trong năm để xác định số thuế đã nộp.

Dòng 5: Căn cứ vào mẫu tờ khai Mẫu 06/TNTX trong năm đã kê khai với cơ quan thuế để xác định số thuế phải nộp, tiền thù lao được hưởng. Căn cứ chứng từ nộp thuế trong năm để xác định số thuế đã nộp.

Cột 7: Căn cứ vào các Chứng từ đã nộp thuế trong năm để ghi vào cột này.

Mẫu số 11/TNTX

BẢNG QUYẾT TOÁN CHI TIẾT SỐ THUẾ THU NHẬP CỦA CÁ NHÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG
NĂM: ...

[01] Mã số thuế

cơ quan chi trả thu nhập

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[02] Tên cơ quan chi trả thu nhập:

Đơn vị tính: Đồng

Số thứ tự	Họ và tên cá nhân	Mã số thuế cá nhân	Thu nhập chịu thuế					Thuế thu nhập				Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó			Bình quân tháng	Thuế phải nộp		Tổng số thuế đã khấu trừ	Số thuế còn phải khấu trừ (+) hoặc thoái trả (-)		
				Lương	Thưởng	Khác		Tháng	Tổng số				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12) = (10) - (11)	(13)	
A	Thu nhập thường xuyên người Việt Nam												
1													
2													

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12) = (10) - (11)	(13)
3												
...												
B	Thu nhập thường xuyên người nước ngoài											
1												
2												
3												
...												
	Tổng cộng											

..... Cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai.

LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN BẢNG QUYẾT TOÁN CHI TIẾT SỐ THUẾ TNCN MẪU SỐ 11/TNTX

Đối tượng kê khai: Cơ quan chi trả thu nhập.

Yêu cầu của mẫu này: Mẫu này chi tiết thu nhập chịu thuế, số thuế thu nhập đã khấu trừ, số thuế thu nhập nộp thiếu, nộp thừa cho từng cá nhân phân chia theo người Việt Nam và người nước ngoài. Chỉ kê khai đối với những cá nhân ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập thực hiện kê khai, nộp và quyết toán thuế tức là cá nhân có thu nhập duy nhất tại một nơi. Tổng hợp số liệu của mẫu này để ghi vào Mục I, phần A Mẫu số 10/TNTX.

Thời hạn nộp tờ khai: Nộp cùng với Mẫu số 10/TNTX trước ngày 28/02 năm sau.

Nộp chậm tờ khai, nộp chậm tiền thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

Cột 2 Họ và tên cá nhân: Ghi rõ ràng, đầy đủ họ tên cá nhân chịu thuế thu nhập thường xuyên trên chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, nếu là người nước ngoài thì phải phiên âm tên sang tiếng La tinh, ghi rõ Quốc tịch ghi cách giữa họ, tên đệm, tên.

Cột 3 Mã số thuế cá nhân: Ghi rõ mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp cho cá nhân (nếu có).

Cột 4 Tổng số: là toàn bộ số thu nhập mà cá nhân nhận được bao gồm: tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân.

Cột 8 Bình quân tháng: Lấy tổng thu nhập chịu thuế của từng cá nhân chia cho 12 tháng.

Cột 9 Thuế phải nộp tháng: Lấy thu nhập bình quân tháng của từng cá nhân (cột 8) áp biểu tính thuế thu nhập thường xuyên để tính thuế thu nhập phải nộp 1 tháng.

Cột 10 Tổng số thuế phải nộp: Lấy thuế thu nhập phải nộp (cột 9) nhân 12 tháng.

Cột 11 Tổng số thuế đã khấu trừ: là kê khai số thuế đã khấu trừ trong năm của cá nhân quyết toán tại cơ quan chi trả thu nhập.

Cột 12 Tổng số thuế còn phải khấu trừ tiếp hoặc hoàn trả: (12) = (10) - (11)

Trường hợp cá nhân có thu nhập duy nhất tại một nơi, nhưng có số thuế nộp thừa nhiều mà cơ quan chi trả lấy số thuế nộp thiếu của cá nhân khác bù vào cũng không đủ thì cơ quan chi trả cấp Biên lai thuế thu nhập cho cá nhân có số thuế nộp thừa để họ làm thủ tục thoái trả thuế tại cơ quan thuế. Cá nhân này chuyển vào kê khai mục II phần A của Mẫu 10/TNTX, chi tiết kê tại Điểm 2.B của Mẫu 10/TNTX.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 15/TNTX

Ngày nhận tờ khai:
(Do cơ quan thuế ghi)
...../...../.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THOÁI TRẢ
THUẾ THU NHẬP ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ THU NHẬP CAO
CỦA NĂM 200.....**

Kính gửi: Cục thuế tỉnh, thành phố.....

[01] Mã số thuế cá nhân		<input type="text"/>
[02] Tên tôi là:	[03] Quốc tịch:	
[04] Địa chỉ liên hệ:		
[05] Điện thoại:	[6] Fax:	[07] E-mail:

01638153

Căn cứ Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao hiện hành thì:

- 1. Tổng thu nhập chịu thuế năm: đồng
- 2. Tổng số thuế thu nhập phải nộp: đồng
- 3. Tổng số thuế cơ quan chi trả thu nhập đã khấu trừ: đồng
- 4. Số thuế thu nhập nộp thừa đề nghị thoái trả: đồng

Bằng chữ:.....

Gửi kèm theo hồ sơ liên quan:

- Tờ khai quyết toán thuế năm (Mẫu số 08/TNTX)
- Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (bản photocopy)
- Biên lai thuế, chứng từ khấu trừ thuế thu nhập (bản chính)
- Chứng từ khác liên quan đến thu nhập chịu thuế.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai nêu trên và đề nghị Cục thuế xét thoái trả số tiền thuế thu nhập theo quy định.

Đề nghị số tiền thoái trả bằng tiền mặt:

Đề nghị số tiền thoái trả bằng chuyển khoản:

Số tài khoản cá nhân:

Tại Ngân hàng:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người làm đơn

Ký, ghi rõ họ tên

09638153

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 08044417

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@yahoo.com

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng